

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thanh A, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Số X, ấp HT, xã NVT, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ NTA, phòng số X1, tổ X2, khu phố Y, phường TĐ, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Văn B, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Số X, ấp HT, xã NVT, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ NTA, phòng số X1, tổ X2, khu phố Y, phường TĐ, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh A trình bày:

Bà Hồ Thị Thanh A và Đặng Văn B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NVT, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39 ngày 22/6/2018. Hôn nhân giữa bà A và ông B hoàn toàn tự

nguyên. Vợ chồng bà A và ông B chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào năm 2020. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông B không có trách nhiệm với gia đình phụ bà A chăm sóc con chung. Ngoài ra, ông B còn chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, bà A và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải ông B bỏ cờ bạc, tu chí làm ăn nhưng ông B vẫn không thay đổi. Hiện tại, bà A và ông B không còn sống chung và đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy, hôn nhân giữa bà A và ông B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Văn B.

Về con chung: Quá trình sống chung, bà Hồ Thị Thanh A và ông Đặng Văn B có 01 người con chung tên: Đặng Hồ Hải Đ, sinh ngày 14/10/2018. Trường hợp ly hôn, bà Hồ Thị Thanh A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Hồ Hải Đ, sinh ngày 14/10/2018. Tại đơn khởi kiện ban đầu, bà Hồ Thị Thanh A có yêu cầu ông Đặng Văn B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/02/2022, bà Hồ Thị Thanh A thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông Đặng Văn B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Bản sao Chứng minh nhân dân mang tên Hồ Thị Thanh A; Sổ hộ khẩu do Đặng Văn U đứng tên chủ hộ; Sổ tạm trú do Ngô Thị D đứng tên chủ hộ; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh và Hợp đồng lao động số VTH-80970/HĐLĐ.

Bị đơn ông Đặng Văn B: Tại Biên bản lấy lời khai của ông B đề ngày 18/01/2022, ông B trình bày thống nhất lời trình bày của nguyên đơn bà A về thời gian kết hôn, con chung, nợ chung và tài sản chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Ông B thừa nhận quá trình chung sống, ông B và bà A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Lý do: Ông B có chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Bà A đã cho cơ hội ông B nhiều lần, nhưng ông B vẫn không thay đổi. Hiện tại, ông B vẫn còn nợ tiền do cờ bạc. Do đó, ông B và bà A thường xuyên cãi vã nên ông B và bà A đã sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay. Tuy nhiên, ông B vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Đặng Văn B và bà Hồ Thị Thanh A có 01 người con chung tên: Đặng Hồ Hải Đ, sinh ngày 14/10/2018. Trường hợp ly hôn, ông Đặng Văn B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Hồ Hải Đ, sinh ngày 14/10/2018 và không yêu cầu bà Hồ Thị Thanh A phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, ông B làm công nhân thời vụ Công ty TNHH AC; địa chỉ: Lô H, Khu Công nghiệp B2, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Thu nhập mỗi tháng của ông B khoảng 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng nên ông B có đủ điều kiện thu nhập để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Hồ Hải Đ, sinh ngày 14/10/2018.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn chỉ có mặt tại Tòa án để lấy lời khai, làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt và nhận Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 08/2022/QĐ-CCTLCC ngày 25/01/2022, vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký địa chỉ tạm trú và hiện vẫn đang sinh sống tại Nhà trọ NTA, phòng số X1, tổ X2, khu phố Y, phường TĐ, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về việc có mặt, vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh A và bị đơn ông Đặng Văn B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh A và bị đơn ông Đặng Văn B trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NVT, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39 ngày 22/6/2018. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn bà A và bị đơn ông B là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tổ tụng nguyên đơn xác định từ đầu năm 2020 giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông B không có trách nhiệm với gia đình phụ bà A chăm sóc con chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông B thường xuyên chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần và thực tế vợ chồng ông B và bà A đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Hiện tại, bà A xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông B. Bị đơn ông Đặng Văn B trình bày vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc. Nguyên đơn xác định vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn. Bị đơn cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và xác định đã sống ly thân. Bị đơn ông B đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ để nguyên đơn và bị đơn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không tham gia hòa giải cho thấy bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 14/02/2022 tại địa phương nơi bà A và ông B sinh sống cho biết ông B có đăng ký và hiện tại đang sinh sống tại địa chỉ tạm trú Nhà trọ NTA, phòng số X1, tổ X2, khu phố Y, phường TĐ, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tuy nhiên về cuộc sống hôn nhân giữa bà A và ông B có phát sinh mâu thuẫn gì hay nguyên nhân phát sinh tranh chấp như thế nào thì chính quyền địa phương không rõ. Tại Bản tự khai của người làm chứng Ngô Thị D, sinh năm 1944 (chủ nhà trọ) và bà Lý Thị L, sinh năm 1986 (phòng trọ số M nhà trọ NTA) thống nhất trình bày xác nhận cuộc sống hôn nhân giữa bà A và ông B thường xuyên cãi vã, ông B ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần nên chủ nợ thường đến phòng trọ của bà A và ông B đòi nợ và đập phá làm ảnh hưởng đến cuộc sống của bà A và con. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên: Đặng Hồ Hải Đ, sinh ngày 14/10/2018. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy, đối với cháu Đặng Hồ Hải Đ, sinh ngày 14/10/2018 đang còn nhỏ nên cần được sự trông nom, chăm sóc của người mẹ hơn. Bà A có chỗ ở ổn định, sinh sống và đăng ký địa chỉ tạm trú tại Nhà trọ NTA, phòng số X1, tổ X2, khu phố Y, phường TĐ, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương từ tháng 6/2020 cho đến nay. Ngoài ra, bà A có công việc ổn định, hiện làm

công nhân phòng Sơn tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên MVN; địa chỉ: Số TP9, Khu công nghiệp MT, phường HP, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Từ khi bà A và ông B sống ly thân, ông B rất ít đến thăm con, không có cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, bà A cũng là người chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đ từ nhỏ. Tại Biên bản lấy lời khi ông B ngày 18/01/2022, ông B có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Đặng Hồ Hải Đ, sinh ngày 14/10/2018. Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 08/2022/QĐ-CCTLCC ngày 25/01/2022 đối với bị đơn về việc cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu về quyền nuôi con đối với cháu Đặng Hồ Hải Đ, sinh ngày 14/10/2018, tuy nhiên hết thời hạn theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh thể hiện quyền yêu cầu nuôi con của mình. Do đó, việc giao cháu Đặng Hồ Hải Đ, sinh ngày 14/10/2018 cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh A và bị đơn ông Đặng Văn B không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh A về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Đặng Văn B.

- Về hôn nhân: Bà Hồ Thị Thanh A được ly hôn với ông Đặng Văn B.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 39 do Ủy ban nhân dân xã NVT, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/6/2018 cho bà Hồ Thị Thanh A và ông Đặng Văn B không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Đặng Hồ Hải Đ, sinh ngày 14/10/2018 cho bà Hồ Thị Thanh A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Đặng Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Văn B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông Đặng Văn B thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị Thanh A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004609 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã NVT, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Oanh